

Bản án số: 42/2018/HNG-ST

Ngày: 26/7/2018

“*V/v Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- *Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Như Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành.

2. Bà Lê Thị Toan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 388/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ch, sinh năm 1991

Địa chỉ: Làng S, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1991

Địa chỉ: Làng S, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2018 và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ch trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Bùi Văn Th qua tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Trong thời gian chung sống hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hợp nhau nên chị và anh Th đã sống ly thân từ đầu năm 2017. Thời gian sống ly thân, cả hai đều không quan tâm đến nhau. Nay chị thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân như thế này nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn Th.

- *Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Chị và anh Bùi Văn Th không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ngoài ra chị Ch không yêu cầu gì.

2. Tại bản tự khai đề ngày 11/6/2018 và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bùi Văn Th trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và cô Ch tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 06/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Trong quá trình chung sống giữa hai chúng tôi luôn mâu thuẫn không có sự hòa hợp nên cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Nay cô Ch có đơn ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với cô Ch.

- *Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Anh và chị Ch không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ngoài ra anh Bùi Văn Th không yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Chị Ch có đơn khởi kiện ly hôn anh Bùi Văn Th. Bị đơn anh Bùi Văn Th đang cư trú trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Do vậy, đây là vụ án kiện “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn là anh Bùi Văn Th có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Về hôn nhân: Chị Ch và anh Bùi Văn Th chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hòa Bình năm 2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Do đó việc chị Ch có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là phù hợp quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Ch thì thấy, trong quá trình chung sống giữa chị Ch và anh Bùi Văn Th đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến chị Ch và anh Th sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Do tình cảm hôn nhân không hàn gắn được nên chị Ch có yêu cầu khởi kiện ly hôn anh Th và anh Th cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với chị Ch. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Ch và anh Th là có thật nhưng cả hai người không có biện pháp gì để cải thiện. Trong thời gian sống ly thân, cả hai bên đều không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng chị Ch và anh Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị Ch về việc xin ly hôn anh Bùi Văn Th là có căn cứ, được chấp nhận và cũng phù hợp với yêu cầu của anh Bùi Văn Th đồng ý ly hôn với chị Ch.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống, chị Ch và anh Bùi Văn Th không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Chị Ch phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 8, 9, 10, 28, 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ch.

1. Chị Ch được ly hôn với anh Bùi Văn Th.

2. Chị Ch phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (**Ba trăm ngàn đồng**), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003649 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; chị Ch đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn là chị Ch có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn anh Bùi Văn Th vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Như Phượng